

Bản án số: 159/2021/KDTM-ST  
Ngày: 29/9/2021

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG A – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

**- Thành viên Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Triệu Thúy Hà

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Hoàng Thị An;  
2. Bà Trần Thị Đông.

**- Thư ký phiên toà:** Ông Hoàng Minh Anh - Thư ký Toà án nhân dân Huyện Đông A, Hà Nội.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Đông A, Thành phố Hà Nội tham gia phiên toà:** Bà Hoàng Thị Hồng Chiêm - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân Huyện Đông A, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số *kinh doanh thương mại* thụ lý số: 94/2021/TLST-KDTM ngày 10 tháng 5 năm 2021, giữa:

**Nguyên đơn:** Ngân hàng N

Địa chỉ: Số M phố Láng H, phường Thành C, quận Ba Đ, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Tiết Văn T** - Tổng Giám đốc

Người Đại diện theo ủy quyền: Ông **Trịnh Xuân L** - Giám đốc Ngân hàng N - Chi nhánh Đông A.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông **Trần Văn M** - Phó giám đốc Ngân hàng N – Chi nhánh Đông A.

(Quyết định ủy quyền lại về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng và thi hành án số 55/QĐ-NHNo.ĐA-TH ngày 19/2/2021 của Giám đốc A Chi nhánh Đông A)

**Bị đơn:** Ông Nghiêm Hữu B, sinh năm 1983;

Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1988;

Địa chỉ: Thôn Thiết B, xã Vân H, huyện Đông A, TP Hà Nội

**Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

1. Cháu Nghiêm Mai H, sinh năm 2012.

2. Cháu Nghiêm Hữu Bảo S, sinh năm 2013.
3. Cháu Nghiêm Hữu P, sinh năm 2019.
4. Ông Nghiêm Hữu K, sinh năm 1957 (bố ông B).
5. Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1958 (mẹ ông B)

Người đại diện theo pháp luật của cháu H, cháu S, cháu P là ông, bà H.

Đều trú tại: Thôn Thiết B, xã Vân H, huyện Đông A, TP Hà Nội

Có mặt: Người đại diện hợp pháp tham gia tố tụng của nguyên đơn;

Vắng mặt: Những đương sự còn lại.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN**

*\* Theo đơn khởi kiện và các bản tự khai tiếp theo, nguyên đơn trình bày:*

**\* Nguyên đơn Ngân hàng N trình bày:**

Ngày 08/4/2019, Ngân hàng N – Chi nhánh Đông A, phòng giao dịch Nguyễn K và ông Nghiêm Hữu B ký Hợp đồng tín dụng số 3140-LAV2019-02485 với nội dung sau:

Phương thức cho vay: theo Hạn mức tín dụng

Mức dư nợ cao nhất: 3.500.000.000 đồng (Ba tỷ năm trăm triệu đồng)

Mục đích sử dụng tiền vay: Bổ sung vốn kinh doanh đồ gỗ.

Phương thức áp dụng lãi suất: 09%/năm trên nợ gốc, lãi suất quá hạn bằng 3,5%/năm, lãi suất chậm trả 10%/năm.

Thời hạn của Hạn mức tín dụng là 12 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng tín dụng

Thời hạn cho vay và kỳ hạn trả nợ: theo phụ lục kèm theo hoặc từng giấy nhận nợ

Quá trình thực hiện hợp đồng ông Nghiêm Hữu B đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ ngân hàng khởi kiện yêu cầu. Tính đến ngày 12/7/2021, ông B, bà H còn nợ nguyên đơn Số nợ gốc: **3.490.000.000** đồng

Số nợ lãi trong hạn: **356.140.109** đồng

Số nợ lãi quá hạn: **307.365.966** đồng

Tổng số tiền: **4.154.006.075** đồng.

- Trong trường hợp ông Nghiêm Hữu B không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi, phí phát sinh thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thửa số 24, tờ bản đồ số QH, tại địa chỉ thôn Thiết B, xã Vân H, huyện Đông A, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC464097 do UBND huyện Đông A, thành phố Hà Nội cấp ngày 20/10/2010 mang tên hộ gia đình ông Nghiêm Hữu B

- Trong trường hợp số tiền thu được từ xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh

toán hết khoản nợ và lãi P sinh thì ông Nghiêm Hữu B phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ và chịu lãi phát sinh trên dư nợ gốc thực tế kể từ ngày 13/7/2021 cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ.

**\* Bị đơn ông Nghiêm Hữu B trình bày:**

Năm 2019, ông có ký hợp đồng tín dụng số 3140-LAV2019-2024851 với Ngân hàng N – Chi nhánh Nguyên K. Trong thời gian kinh doanh ông có bị thua lỗ, ông còn nợ ngân hàng N số tiền tính đến ngày hoà giải tại toà án vào ngày 13/7/2021 là:

Số nợ gốc: **3.490.000.000** đồng

Số nợ lãi trong hạn: **356.140.109** đồng

Số nợ lãi quá hạn: **307.365.966** đồng

Tổng số tiền: **4.154.006.075** đồng.

Tài sản đảm bảo cho khoản vay là thửa số 24, tờ bản đồ số QH tại địa chỉ thôn Thiết B, xã Vân H, huyện Đông A, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số **BC464097** do UBND huyện Đông A, thành phố Hà Nội cấp ngày 20/10/2010 mang tên hộ gia đình ông Nghiêm Hữu B

Hiện đang sinh sống trên đất gồm:

- Ông Nghiêm Hữu B, sinh năm 1983.
- Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1988.
- Cháu Nghiêm Mai H, sinh năm 2012.
- Cháu Nghiêm Hữu Bảo S, sinh năm 2013.
- Cháu Nghiêm Hữu P, sinh năm 2019.

Ngoài ra không còn ai khác sinh sống trên đất

Ông B đề nghị ngân hàng cho ông trả nợ dần trừ vào gốc trước, mỗi tháng 5 triệu đồng/tháng, nếu tình hình kinh tế phục hồi ông sẽ trả nhiều hơn. Trường hợp không trả được nợ thì ông nhất trí xử lý tài sản đảm bảo để thu hồi nợ.

Bà Nguyễn Thị H trình bày: Bà nhất trí với ý kiến của chồng là ông Nghiêm Hữu B, bà đề nghị ngân hàng tạo điều kiện để ông Nghiêm Hữu B trả nợ dần trừ vào gốc trước. Mỗi tháng trả 10 triệu đồng.

**\* Tại phiên tòa xét xử,**

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt đã có lời khai thừa nhận nghĩa vụ nợ và đề nghị được hoà giải, tuy nhiên. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên chủ tọa phiên tòa công bố lời khai đương sự vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông A phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự.

Về thủ tục tố tụng: Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chấp hành pháp luật không đầy đủ.

Về nội dung vụ án:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ngân hàng N, xác định ông Nghiêm Hữu B, bà Nguyễn Thị H đã vi phạm hợp đồng tín dụng tín dụng số **số 3140-LAV2019-2024851 ngày 08/4/2019**

- Ông Nguyễn Hữu B, bà Nguyễn Thị H phải có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày xét xử (29/9/2021) là:

Số nợ gốc: **3.490.000.000** đồng

Số nợ lãi trong hạn: **355.647.698** đồng

Số nợ lãi quá hạn: **409.355.507** đồng

Tổng số tiền: **5.020.560.410** đồng.

Trong trường hợp ông B, bà H không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mại tài sản đảm bảo là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thửa số 24, tờ bản đồ số QH, tại địa chỉ thôn Thiết B, xã Vân H, huyện Đông A, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số **BC464097** do UBND huyện Đông A, thành phố Hà Nội cấp ngày 20/10/2010 mang tên hộ gia đình ông Nghiêm Hữu B

+ Vụ án áp dụng án phí có giá ngạch.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

*{1} Về thủ tục tố tụng:*

- Thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn ông Nghiêm Hữu B, bà Nguyễn Thị H cư trú tại thôn Thiết B, xã Vân H, huyện Đông A, Hà Nội. Tài sản đảm bảo cho khoản vay là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thửa số 24, tờ bản đồ số QH, tại địa chỉ thôn Thiết B, xã Vân H, huyện Đông A, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số **BC464097** do UBND huyện Đông A, thành phố Hà Nội cấp ngày 20/10/2010 mang tên hộ gia đình ông Nghiêm Hữu B. Do vậy, căn cứ Khoản 1 Điều 30, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Điều 40 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015, Tòa án huyện Đông A thụ lý vụ án đúng thẩm quyền.

Tại biên bản hoà giải tại Tòa án ngày 13/7/2021, Nguyên đơn, bị đơn đã thống nhất thỏa thuận phương án trả nợ nhưng do phía bị đơn không đồng ý lập biên bản Hoà giải thành. Tòa án đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định. Các đương sự vắng mặt không có lý do nên căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự vắng mặt các đương sự.

*{2} Về quan hệ pháp luật:* Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

### *{3} Về nội dung:*

*{3.1}* Về hợp đồng tín dụng: Hợp đồng tín dụng hạn mức số 3140-LAV2019-02485 ngày 08/4/2019, Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng, và các giấy nhận nợ được các đương sự thừa nhận. Theo đó, Ngân hàng N cho ông B, bà H vay tiền được giải ngân thành 6 đợt thông qua các giấy nhận nợ.

Về chủ thể, nội dung, hình thức của Hợp đồng tín dụng phù hợp pháp luật, không trái đạo đức xã hội, nên xác định Hợp đồng là hợp pháp.

Do bà H uỷ quyền cho ông B để tham gia quan hệ tín dụng với Ngân hàng N nên xác định nghĩa vụ trả nợ thuộc về cả hai vợ chồng ông B, bà H.

Tính đến ngày xét xử (là ngày 29/9/2021), ông B, bà H còn nợ Ngân hàng N số tiền cụ thể theo từng Giấy nhận nợ như sau:

- Giấy nhận nợ số giải ngân 3140-LDS-201906423 ngày 08/5/2019: Nợ gốc 99.500.000 đồng; Lãi trong hạn 119.956.068 đồng; Lãi quá hạn: 117.237.699 đồng; Tổng cộng lãi: 201.193.767 đồng
- Giấy nhận nợ số giải ngân 3140-LDS-201907152 ngày 22/5/2019: Nợ gốc : 1.000.000.000 đồng ; lãi trong hạn : 129.205.479 đồng ; Lãi quá hạn : 125.013.699 đồng ; Tổng cộng lãi : 223.150.685 đồng.
- Giấy nhận nợ số giải ngân 3140-LDS-201907407 ngày 27/5/2019: Nợ gốc 600.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 77.375.342 đồng; Lãi quá hạn: 74.120.548 đồng; Tổng cộng lãi: 133.594.502 đồng.
- Giấy nhận nợ số giải ngân 3140-LDS-201908600 ngày 18/6/2019: Nợ gốc: 300.000.000 đồng; lãi trong hạn: 38.613.699 đồng; Lãi quá hạn: 34.730.137 đồng; Tổng cộng lãi: 63.727.397 đồng.
- Giấy nhận nợ số giải ngân 3140-LDS-201910668 ngày 30/7/2019: nợ gốc: 300.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 38.835.616 đồng; Tổng cộng lãi: 64.356.165 đồng.
- Giấy nhận nợ số giải ngân 3140-LDS-201912426 ngày 10/9/2019 : Nợ gốc: 200.000.000 đồng, Nợ lãi trong hạn: 25.989.041 đồng; Lãi quá hạn: 16.569.863 đồng; tổng cộng lãi: 42.558.904 đồng;
- Giấy nhận nợ số giải ngân 3140-LDS-201915451 ngày 07/11/2019: Nợ gốc: 190.000.000 đồng; Nợ lãi quá hạn: 11.946.575 đồng; Lãi trong hạn: 24.502.192 đồng; Tổng cộng lãi: 36.448.767 đồng

(Có bảng kê tính gốc lãi của ngân hàng kèm trong hồ sơ vụ án).

Số nợ gốc: **3.490.000.000** đồng

Số nợ lãi trong hạn: **355.647.698** đồng

Số nợ lãi quá hạn: **409.355.507** đồng

Tổng số tiền: **5.020.560.410** đồng.

Quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng, nguyên đơn thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ đối với bên vay, bị đơn ông B, bà H không thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ đối với bên cho vay. Nay bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết nên nguyên đơn có quyền khởi kiện để thu hồi nợ theo Hợp đồng tín dụng

đã kí kết là có căn cứ, được chấp nhận,

Ông B, bà H còn phải tiếp tục trả lãi kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử là ngày 30/9/2021 trên dư nợ gốc thực tế cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký.

{4.2} Để bảo lãnh cho nghĩa vụ trả nợ của ông B, bà H, Hộ gia đình ông Nghiêm Hữu B đã thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thửa số 24, tờ bản đồ số QH, tại địa chỉ thôn Thiết B, xã Vân H, huyện Đông A, thành phố Hà Nội cho Ngân hàng N theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số công chứng 2815/2014/HĐTC, quyền số 04TP/CC-SCC/HĐGD ngày 13/11/2014 tại Văn phòng công chứng Trung T.

Tài sản thế chấp này đã được UBND huyện Đông A, thành phố Hà Nội cấp ngày 20/10/2010 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số **BC464097** mang tên hộ gia đình ông Nghiêm Hữu B.

Thấy rằng chủ thể ký kết hợp đồng thế chấp đều có năng lực chủ thể, năng lực hành vi dân sự, điều khoản của hợp đồng không vi phạm điều cấm, không trái pháp luật vào đạo đức xã hội. Thỏa mãn điều kiện có hiệu lực của Hợp đồng theo quy định tại Điều 117 Bộ luật dân sự; Về trình tự thủ tục ký kết Hợp đồng thế chấp tuân thủ theo Điều 298 Bộ luật dân sự, được đăng ký tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, có công chứng theo quy định của pháp luật (Khoản 3 Điều 167 Luật Đất đai năm 2013). Như vậy hợp đồng thế chấp hợp pháp. Trường hợp bị đơn vi phạm nghĩa vụ, nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ theo quy định tại điều 299 Bộ luật dân sự.

{5} *Về án phí:* Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật để sung vào Ngân sách Nhà nước là 112.020.560 đồng.

{6} *Về quyền kháng cáo:* các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên.

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Điều 30, 35, 39, 92, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự
- Điều: 298, 299, 318, 320, 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;
- Nghị Định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 và Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2011 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm;
- Luật thi hành án dân sự;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường

vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N đối với ông Nghiêm Hữu B, bà Nguyễn Thị H về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

2. Ông Nguyễn Hữu B, bà Nguyễn Thị H phải có nghĩa vụ thanh toán trả Ngân hàng N các khoản tiền theo Hợp đồng tín dụng số 3140-LAV2019-02485 ngày 08/4/2019 và các giấy nhận nợ đã ký kết tính đến ngày xét xử (ngày 29/9/2021) là:

Số nợ gốc: **3.490.000.000** đồng

Số nợ lãi trong hạn: **355.647.698** đồng

Số nợ lãi quá hạn: **409.355.507** đồng

Tổng số tiền: **5.020.560.410** đồng.

Ông Nghiêm Hữu B, bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ tiếp tục trả lãi cho Ngân hàng N từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (là ngày 30/9/2021) cho đến khi trả hết nợ trên dư nợ gốc thực tế theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số Hợp đồng tín dụng số 3140-LAV2019-02485 ngày 08/4/2019

3. Trường **hợp vợ chồng ông Nguyễn Hữu B**, bà Nguyễn Thị H không thực hiện nghĩa vụ thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ nêu trên thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản đảm bảo để thu hồi nợ là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thửa số 24, tờ bản đồ số QH, tại địa chỉ thôn Thiết B, xã Vân H, huyện Đông A, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số **BC464097** do UBND huyện Đông A, thành phố Hà Nội cấp ngày 20/10/2010 mang **tên hộ gia đình ông** Nguyễn Hữu B

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của luật thi hành án dân sự.

**Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:** Ông Nguyễn Hữu B phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 112.020.560 đồng để sung Ngân sách Nhà nước.

Ngân hàng N được nhận lại 55.955.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0045155 ngày 07/5/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông A.

Trong thời hạn 05 năm kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền ra quyết định thi hành án.

Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự có mặt tại phiên tòa đều có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa đều có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chỉ có quyền kháng cáo về phần có liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của mình.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông A;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng;

**TM. Hội đồng xét xử sơ thẩm  
Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa**

**Triệu Thúy Hà**